

Số: 1331 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 02 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí rà soát, điều chỉnh Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2030 của Ban Quản lý rừng phòng hộ Đăk Mai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 ngày 11 tháng 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 và Nghị định số 42/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch sử dụng đất Quốc gia 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước (cũ) thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định 895/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-BNNMT ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra rừng;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Căn cứ Quyết định số 2697/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (cũ) về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững tại Khu di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh núi Bà Rá, giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (cũ) về phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững của Ban Quản lý rừng phòng hộ Đắc Mai đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 150/TTr-SNNMT ngày 02 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện rà soát, điều chỉnh Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2030 của Ban Quản lý rừng phòng hộ Đắc Mai, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên nhiệm vụ: Rà soát, điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2030 của Ban Quản lý rừng phòng hộ Đắc Mai.

2. Mục tiêu: Rà soát, điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững đã được phê duyệt cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế quản lý rừng bền vững của đơn vị.

3. Phạm vi, quy mô thực hiện: Toàn bộ diện tích rừng và đất lâm nghiệp 22.390,24 ha do Ban Quản lý rừng phòng hộ Đắc Mai quản lý theo Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai) Phê duyệt Đề án sắp xếp, kiện toàn các Ban Quản lý rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh.

4. Nội dung thực hiện:

a) Xây dựng đề cương nhiệm vụ, dự toán kinh phí thực hiện.

- b) Thu thập, rà soát hồ sơ pháp lý, số liệu, bản đồ liên quan.
- c) Đánh giá kết quả thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững đã được phê duyệt.
- d) Thu thập số liệu, đánh giá biến động diễn biến rừng (hiện trạng rừng, đất lâm nghiệp) qua các thời kỳ.
- đ) Thu thập các thông tin về điều kiện dân sinh, kinh tế xã hội; điều kiện tự nhiên, lập địa, khí tượng thủy văn; thu thập tài liệu đánh giá tác động đa dạng sinh học; thu thập đánh giá biến động sử dụng đất, diễn biến rừng; thu thập số liệu hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng.
- e) Xác định các nội dung cần điều chỉnh theo Mẫu số 01 Phụ lục III được ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- g) Điều chỉnh dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn đầu tư.
- h) Điều chỉnh, bổ sung giải pháp và tổ chức thực hiện.
- i) Xây dựng báo cáo thuyết minh điều chỉnh Phương án quản lý rừng bền vững.

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý rừng phòng hộ Đăk Mai.

6. Tổng dự toán kinh phí: **458.993.882 đồng** (Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi tám triệu, chín trăm chín mươi ba ngàn, tám trăm tám mươi hai đồng)

(Chi tiết kèm theo phụ lục kèm theo)

7. Nguồn vốn thực hiện: Nguồn dịch vụ môi trường rừng năm 2026 được phê duyệt tại Quyết định 305/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

8. Thời gian thực hiện: 04 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý rừng phòng hộ Đăk Mai là đơn vị chủ đầu tư, có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo nội dung Đề cương được phê duyệt; đảm bảo tiến độ, chất lượng, sử dụng đúng và hiệu quả nguồn vốn; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt kết quả điều chỉnh Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 – 2030 của Ban Quản lý rừng phòng hộ Đăk Mai.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; thẩm định và tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả điều chỉnh Phương án Quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 – 2030 của Ban Quản lý rừng phòng hộ Đăk Mai.

3. Sở Tài chính chủ trì, hướng dẫn và giám sát việc sử dụng kinh phí, đảm bảo đúng quy định hiện hành.

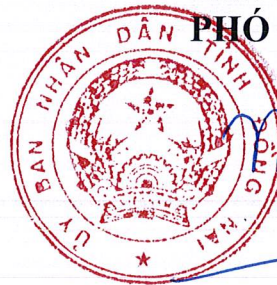
4. Các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã có liên quan có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin, dữ liệu, hồ sơ liên quan, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Quản lý rừng phòng hộ Đăk Mai và các đơn vị tư vấn thực hiện nhiệm vụ.

Điều 3: Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Ban Quản lý rừng phòng hộ Đăk Mai và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
 - Chánh, Phó CVP UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, KTNS, KTN.
- Vinh ktn de cuong dak mai



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hoàng



Phụ lục: Tổng hợp kinh phí nhiệm vụ rà soát, điều chỉnh Phương án Quản lý rừng bền vững giải tỏa 2021–2030 của Ban Quản lý rừng phòng hộ Đăk Mai



(Kèm theo Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Nội dung công việc	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
T1	Chi phí trực tiếp thực hiện nhiệm vụ	397.190.967	
P1	Công tác chuẩn bị	24.772.556	
P2	Chi phí công tác thực địa: Điều tra bổ sung các hạng mục phục vụ điều chỉnh Phương án	119.771.072	
P3	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu ngoại nghiệp (P3 = P2 * 7%)	8.383.975	
P5	Công tác nội nghiệp	127.921.424	
P6	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu nội nghiệp (P6 = P5 X 15%)	19.188.214	
P7	Chi phí phục vụ (P7 = (P1 + P2 + P3 + P5 + P6) X 6,7%)	20.102.495	
P8	Chi phí quản lý của đơn vị thực hiện: P8= 12% * (P1+P2+P3+P4+P5+P6+P7)	38.416.768	Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT
P10	Chi phí vật tư, dụng cụ, thông tin liên lạc: P10 = (P1 + P2 + P3 + P5 + P6 + P7 + P8) * 5%	17.927.825	
P12	Thu nhập chịu thuế tính trước: P12 = (P1 + P2 + P3 + P5 + P6 + P7 + P8 + P9 + P10 + P11) * 5,5%	20.706.638	
T2	Chi phí quản lý của chủ đầu tư: T2 = T1 X 7%	27.803.368	
VAT	Thuế VAT (8%)	33.999.547	
	Tổng dự toán (T1+T2+VAT)	458.993.882	